

Số: 1063 /QĐ-NHNo-ĐCTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Hiệp định vay số 2968-VIE (SF) ký ngày 07/3/2013 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để tài trợ cho Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp;

Căn cứ Hiệp định Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp ký ngày 07/3/2013 giữa ADB và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank);

Căn cứ Hiệp định vay phụ Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp ký ngày 15/9/2014 giữa Bộ Tài chính và Agribank;

Căn cứ Sổ tay Hướng dẫn thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp ban hành kèm theo Công văn số 1859/DANN-LCASP ngày 18/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Hướng dẫn về chuỗi giá trị biogas của ADB;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 của Hội đồng thành viên Agribank đã được thông đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-NHNo-ĐCTC ngày 28/3/2014 của Hội đồng thành viên Agribank quy định về tiếp nhận, vay, quản lý và thực hiện nguồn vốn nước ngoài trong hệ thống Agribank;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Định chế tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Ban hành Quy định thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Việc thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp vay vốn ADB áp dụng trong hệ thống Agribank.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Trụ sở chính.

b) Các Chi nhánh Agribank tại 10 tỉnh bao gồm: Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Nam Định, Phú Thọ, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang.

c) Khách hàng có nhu cầu vay vốn Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp qua Agribank, bao gồm: Các cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp đang tiến hành các hoạt động sản xuất, chăn nuôi phục vụ nông nghiệp, nông thôn tại địa bàn các tỉnh trên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ, từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. **TSC:** Trụ sở chính Agribank

2. **Dự án:** Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp (LCASP).

3. **Ban Quản lý Dự án tỉnh:** Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh được thành lập tại Ủy ban Nhân dân tỉnh của mỗi tỉnh Dự án, có trách nhiệm quản lý và điều phối tổng thể các hoạt động của Dự án tại tỉnh đó.

4. **Tiểu dự án:** Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học.

5. **Công trình khí sinh học:** Bao gồm hầm phân hủy và cơ sở hạ tầng có liên quan cần thiết để tạo khí sinh học.

6. **Cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học:** Bao gồm (i) công trình khí sinh học và (ii) một gói môi trường bao gồm việc xây dựng các bể rửa chân nhằm giảm sự lây truyền các sinh vật gây bệnh vào các khu vực trang trại, cải thiện hệ thống cống rãnh thoát nước trong chăn nuôi, xây dựng các bể chứa cặn thải sinh học trước khi tưới vào đất làm phân hữu cơ và các phương tiện để sử dụng tối đa các giá trị tiềm năng của khí ga và điện được tạo ra.

7. **Vùng chăn nuôi tập trung:** Vùng đất nông nghiệp được phân bổ cho việc sử dụng dài hạn trang trại chăn nuôi và sản xuất thương mại đồng thời thực hiện các biện pháp kiểm soát để bảo vệ khỏi sự bùng phát dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh môi trường trong sản xuất chăn nuôi.

Điều 3. Hỗ trợ tài chính cho xây dựng các công trình khí sinh học

Nhằm khuyến khích sự phát triển thị trường cacbon, cũng như đảm bảo việc xây dựng và sử dụng các công trình khí sinh học tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường, Dự án có chính sách hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các chủ tiểu dự án, cụ thể như sau:

1. Đối với các công trình khí sinh học được xác nhận xây dựng đúng kỹ thuật và tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường, số tiền hỗ trợ sẽ là: (i) 3 triệu đồng/công trình cho trình khí sinh học quy mô nhỏ; (ii) 10 triệu/công trình cho công trình quy mô vừa và (iii) 20 triệu/công trình cho công trình quy mô lớn.

2. Chính phủ (thông qua Ban Quản lý Dự án tỉnh) sẽ phân bổ tiền hỗ trợ đến chủ tiêu dự án sau khi công trình khí sinh học được chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường của Dự án.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mục đích vay vốn

Dự án cấp tín dụng cho các khách hàng để xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học, bao gồm:

1. Công trình khí sinh học được xây dựng với chất lượng đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn tại Điều 5 Quy định này.

2. Các hạng mục liên quan đến việc xử lý môi trường cho công trình khí sinh học như:

a) Các hạng mục thu gom chất thải (cống/rãnh thoát nước thải, sàn dốc, bể rửa chân, các công cụ để thu gom chất thải đưa xuống hầm khí sinh học, ...);

b) Các thiết bị sử dụng nguồn khí ga sinh ra (thiết bị lọc khí ga, bếp, máy phát điện, đèn chiếu sáng, đường ống dẫn khí ga, máy sấy, lò ấp trứng, lò sưởi,...);

c) Các hạng mục xử lý nước thải và cặn thải từ hầm khí sinh học, sử dụng làm phân bón hữu cơ (bể lắng, bể lọc, lò đốt tạo than sinh học để lọc nước và tạo nguyên liệu làm phân bón hữu cơ, các hạng mục bảo quản, vận chuyển chất cặn thải để sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ...).

Điều 5. Tiêu chuẩn của các công trình khí sinh học

1. Xây dựng sau ngày 05/06/2013 (ngày hiệu lực của Hiệp định vay);

2. Quy mô: Tùy theo khối lượng vật nuôi trong các hộ gia đình và nông trại, các công trình khí sinh học được chia thành 03 loại¹, bao gồm:

a) Quy mô nhỏ: Kích cỡ không vượt quá 50 m³.

b) Quy mô vừa: Kích cỡ từ 500 m³ đến 1.000m³.

c) Quy mô lớn: Kích cỡ từ 2.000 m³ trở lên.

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường:

a) Được xây dựng bởi các thợ xây có chứng nhận hoặc nhà thầu và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan của tiêu dự án hợp lệ.

b) Đối với công trình quy mô vừa và lớn:

Đn

¹ Do giới hạn nguồn vốn và hiệu quả kinh tế của công trình khí sinh học, Dự án chỉ tập trung tài trợ cho vay các công trình khí sinh học có kích cỡ, quy mô phù hợp

- (i) Ưu tiên xây dựng tại vùng chăn nuôi tập trung (nếu có);
 - (ii) Được Ban Quản lý Dự án tỉnh thẩm định và phê duyệt trước về công nghệ xây dựng..
- c) Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan, các quy định và hướng dẫn về môi trường của địa phương và quốc gia.

Điều 6. Đồng tiền cho vay

1. Chi nhánh nhận vốn và trả vốn TSC bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Chi nhánh cho vay và thu nợ khách hàng bằng VNĐ.

Điều 7. Mức cho vay

1. Mức cho vay tối đa đối với mỗi tiểu dự án xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ là 50.000.000 VNĐ, quy mô vừa là 1.700.000.000 VNĐ và quy mô lớn là 3.740.000.000 VNĐ.

2. Cơ cấu vốn đối với mỗi tiểu dự án:

- a) Tỷ lệ vốn đối ứng của Agribank trên số tiền giải ngân tối thiểu là 15%;
- b) Tỷ lệ vốn tài trợ của ADB trên số tiền giải ngân tối đa là 85%;
- c) Tỷ lệ vốn tự có của người vay trong tổng chi phí tiểu dự án áp dụng theo quy định cho vay từng thời kỳ của Agribank. Phần vốn tự có của người vay có thể được tính bằng tiền, nguyên liệu sẵn có tại địa phương, công lao động với giá trị tương ứng hoặc các hình thức khác theo quy định cho vay từng thời kỳ của Agribank.

Điều 8. Thời hạn cho vay

1. Đối với công trình khí sinh học quy mô nhỏ: Tối đa 05 năm.
2. Đối với công trình khí sinh học quy mô vừa và lớn: Tối đa 10 năm.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất TSC áp dụng đối với Chi nhánh: Là lãi suất Agribank vay lại từ Bộ Tài chính (bao gồm cả phần phí Agribank phải trả cho Bộ Tài chính) từng thời kỳ.

2. Lãi suất chậm trả TSC áp dụng đối với Chi nhánh: Chi nhánh không trả một phần hoặc toàn bộ phần nợ gốc hoặc nợ lãi hoặc phí (nếu có) phải chịu lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều này. Lãi suất chậm trả được tính theo số ngày thực tế bị quá hạn từ ngày đến hạn trả gốc và lãi của khoản vay đến ngày thực tế trả được gốc lãi của khoản vay đó.

3. Lãi suất Chi nhánh cho vay khách hàng: Áp dụng mức lãi suất cho vay ưu đãi tối đa bằng 90% mức lãi suất Chi nhánh cho vay đối với lĩnh vực nông-lâm-ngư-diêm nghiệp tương ứng từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn đối với khách hàng áp dụng theo quy định từng thời kỳ của Agribank.

Điều 10. Thủ tục rút vốn và phân vốn Dự án

1. Hình thức bồi hoàn vốn: Giải ngân trên cơ sở Sao kê chi tiêu – áp dụng trong trường hợp Chi nhánh đã thực hiện cho vay tiêu dự án sau ngày Hiệp định vay có hiệu lực (ngày 05/6/2013) bằng nguồn vốn thông thường của Chi nhánh):

a) Khi có nhu cầu vốn Dự án, Chi nhánh lập Tờ trình (mẫu **Phụ lục I**) trình Tổng Giám đốc (qua Ban Định chế tài chính);

b) Sau khi được chấp thuận về mặt chủ trương, Chi nhánh sao kê danh sách khách hàng vay vốn hợp lệ và gửi về Ban Định chế tài chính bản mềm Sao kê chi tiêu (mẫu **Phụ lục II, III**) (qua Fastnet (máy chủ 10.0.0.19), thư mục “Ban DCTC\ADB 2968”);

c) Trong vòng 02 ngày theo lịch kể từ ngày bản mềm sao kê được chấp thuận, Chi nhánh gửi bản gốc sao kê về Ban Định chế tài chính.

d) Ban Định chế tài chính tiến hành thủ tục rút vốn từ Bộ Tài chính và ADB:

(i) Trường hợp Agribank được giải ngân vốn Dự án, Ban Định chế tài chính thông báo cho Ban Kế hoạch Nguồn vốn trình Tổng Giám đốc quyết định phân vốn cho Chi nhánh. Khi nhận được vốn, Chi nhánh hạch toán chuyển nguồn vốn các khoản cho vay từ nguồn vốn thông thường đã sao kê sang nguồn vốn Dự án.

(ii) Trường hợp Bộ Tài chính, ADB không chấp nhận giải ngân vốn Dự án, Ban Định chế tài chính thông báo cho Chi nhánh biết.

2. Hình thức ứng trước vốn: Giải ngân trước, nộp Sao kê chi tiêu sau:

a) Trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tế tại địa bàn, Chi nhánh lập Tờ trình (mẫu **Phụ lục I**) và Kế hoạch giải ngân (mẫu **Phụ lục IV**) trình Tổng Giám đốc (qua Ban Định chế tài chính) xin ứng trước vốn;

b) Ban Định chế tài chính tiến hành thủ tục rút vốn từ Bộ Tài chính và ADB:

(i) Trường hợp Agribank được giải ngân vốn Dự án, Ban Định chế tài chính thông báo cho Ban Kế hoạch Nguồn vốn trình Tổng Giám đốc quyết định phân vốn cho Chi nhánh. Khi nhận được vốn, Chi nhánh tiến hành thẩm định và quyết định cho vay đối với các khoản vay phù hợp với quy định của Dự án và quy định cho vay của Agribank. Đến thời hạn quy định trên thông báo vốn, Chi nhánh gửi bản mềm, bản gốc Sao kê chi tiêu các khoản vay hợp lệ (mẫu **Phụ lục II, III**) về Ban Định chế tài chính.

(ii) Trường hợp Bộ Tài chính, ADB không chấp nhận giải ngân vốn Dự án, Ban Định chế tài chính thông báo cho Chi nhánh biết.

3. Đối với mỗi khoản vay để tài trợ tiêu dự án xây dựng công trình khí sinh học quy mô lớn có giá trị vượt quá 3.740.000VNĐ, Chi nhánh phải trình

trước hồ sơ và các tài liệu có liên quan qua Ban Định chế tài chính để đề xuất ADB xem xét và phê duyệt.

a) Trường hợp khoản vay được Bộ Tài chính và ADB phê duyệt, thủ tục rút vốn thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp khoản vay không được Bộ Tài chính và ADB phê duyệt, Ban Định chế tài chính thông báo cho Chi nhánh biết.

Điều 11. Hoàn trả vốn vay trước hạn và cơ cấu lại khoản vay

1. Trường hợp Chi nhánh trả vốn Dự án trước hạn: Thực hiện theo quy định của Agribank.

2. Trường hợp người vay cuối cùng trả nợ trước hạn: Chi nhánh chủ động tiến hành thu hồi nợ và được cho vay quay vòng tại chi nhánh và đảm bảo:

a) Vốn trả nợ trước hạn thuộc nguồn vốn ngắn, trung hay dài hạn thì Chi nhánh chỉ được cho vay quay vòng theo đúng tính chất nguồn vốn tương ứng.

b) Đến hạn Chi nhánh trả vốn về TSC, đối với các khoản vay quay vòng vẫn chưa đến hạn trả nợ, Chi nhánh phải hạch toán chuyển khoản vay đó về nguồn vốn thông thường của Chi nhánh.

c) Hàng tháng, Chi nhánh có trách nhiệm tổng hợp danh sách các khoản vay lại đã trả nợ trước hạn và các khoản vay quay vòng (mẫu **Phụ lục II, III**), lưu tại chi nhánh và đảm bảo hồ sơ, sao kê kịp thời cung cấp khi có yêu cầu.

3. Trường hợp người vay cuối cùng trả nợ trước hạn nhưng Chi nhánh không có tiểu dự án hợp lệ khác để cho vay quay vòng, Chi nhánh phải trả vốn về TSC theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ cho khách hàng: Chi nhánh thực hiện theo quy định hiện hành của Agribank. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ TSC, Chi nhánh phải hạch toán chuyển khoản vay điều chỉnh (gia hạn) nợ đó về nguồn vốn thông thường.

Điều 12. Các giới hạn về tỷ lệ nợ xấu

1. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của các khoản vay được tài trợ bằng nguồn vốn Dự án không được vượt quá 5%.

2. Trường hợp tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của các khoản vay được tài trợ bằng nguồn vốn Dự án vượt quá 10%, Chi nhánh sẽ không tiếp tục được TSC phân vốn, quay vòng vốn đồng thời không được giải ngân thêm bất cứ khoản vay nào tại Chi nhánh.

Điều 13. Hoạch toán kế toán, chế độ tài chính

Thực hiện theo quy định từng thời kỳ của Agribank về hạch toán kế toán Dự án tín dụng từ nguồn vốn nước ngoài và nguồn vốn Dự án.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay

1. Chi nhánh tự tổ chức kiểm tra theo định kỳ, kiểm tra tín dụng, giám sát và quản lý vốn vay trong suốt quá trình cho vay theo các văn bản quy định từng thời kỳ của Agribank và các văn bản khác của pháp luật. Hồ sơ kiểm tra lưu tại Chi nhánh, đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ khi có yêu cầu.

2. Trường hợp cần thiết, ADB, Bộ Tài chính hoặc các Bộ, ngành có liên quan và Agribank có quyền kiểm tra tình hình thực hiện Dự án tại Chi nhánh và tiến hành kiểm tra tới từng tiểu dự án để đánh giá kết quả việc tuân thủ các quy định Dự án của Chi nhánh và người vay lại cuối cùng.

3. Các đơn vị tại TSC căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình để thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát các khoản vay theo đúng quy định.

4. Chi nhánh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc Agribank về các kết quả kiểm tra của các đoàn kiểm tra, kiểm soát... tại Chi nhánh.

5. Trường hợp phát hiện Chi nhánh vi phạm quy định tín dụng, kiểm tra kiểm soát nội bộ của Agribank và các quy định thực hiện nguồn vốn vay Dự án, tùy theo mức độ sai phạm, TSC sẽ áp dụng chế tài phạt hoặc rút vốn đối với Chi nhánh.

Điều 15. Chế độ báo cáo, thống kê

1. Định kỳ hàng quý, năm, Chi nhánh báo cáo tiến độ thực hiện Dự án qua Ban Định chế tài chính (mẫu **Phụ lục V**) trước ngày 05 của tháng tiếp theo kỳ báo cáo.

2. Chi nhánh có trách nhiệm thực hiện báo cáo đột xuất về các lĩnh vực có liên quan đến khoản vay vốn Dự án (nếu có yêu cầu).

3. Trong thời gian rút vốn, định kỳ hàng quý, Chi nhánh gửi danh sách khách hàng vay vốn sang Ban Quản lý Dự án tỉnh để phối hợp theo dõi.

Điều 16. Lưu trữ hồ sơ

Chi nhánh chịu trách nhiệm lưu giữ tất cả các hồ sơ gốc của khoản vay cũng như các tài liệu liên quan tới Dự án. Góc trên bên phải của mỗi bộ hồ sơ vay vốn phải đóng dấu “ADB 2968”. Việc lưu giữ hồ sơ cho vay được thực hiện theo chế độ lưu giữ hồ sơ tín dụng từng thời kỳ và được lưu giữ riêng, đảm bảo cung cấp nhanh chóng, kịp thời phục vụ cho yêu cầu kiểm toán, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị tại TSC

1. Ban Định chế tài chính;

a) Hướng dẫn, tập huấn các Chi nhánh triển khai thực hiện Dự án từ nguồn vốn của Agribank (nếu có);

b) Theo dõi, quản lý việc thực hiện Dự án của Chi nhánh theo Quy định này;

c) Đầu mỗi thực hiện các thủ tục rút vốn, xin bồi hoàn vốn từ Bộ Tài chính và ADB; thông báo cho Ban Kế hoạch Nguồn vốn, Ban Tài chính Kế toán và Ngân quỹ nguồn vốn chuyển về, lịch phân vốn và trả nợ các khoản vay Dự án;

d) Đầu mỗi báo cáo Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc các Bộ ngành có liên quan và ADB tình hình thực hiện Dự án và các vấn đề phát sinh khi có yêu cầu;

đ) Đầu mỗi hoặc phối hợp với Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ xây dựng chương trình và thực hiện kiểm tra chuyên đề theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;

e) Lưu trữ hồ sơ Dự án (bản sao).

2. Ban Kế hoạch Nguồn vốn:

a) Đề xuất, trình Tổng Giám đốc quyết định việc phân vốn, điều chỉnh nguồn vốn và (hoặc) lịch trả nợ vốn Dự án cho Chi nhánh;

b) Phối hợp với Định chế tài chính, Ban Tài chính Kế toán và Ngân quỹ theo dõi, thực hiện đơn đốc Chi nhánh trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn.

3. Ban Tài chính Kế toán và Ngân quỹ:

a) Dự thảo và trình Tổng Giám đốc ban hành văn bản hướng dẫn hạch toán của Dự án, quy định các chế độ hạch toán kế toán có liên quan;

b) Theo dõi, thực hiện và quản lý việc nhận vốn và trả nợ (gốc, lãi, phí) của Agribank đối với Bộ Tài chính; Trên cơ sở Thông báo của Tổng Giám đốc, chủ động chuyển nguồn và ghi nợ tài khoản Chi nhánh để trả nợ vay, phí và tiền phạt (nếu có) cho Bộ Tài chính, áp dụng lãi suất phạt theo quy định của Agribank đối với Chi nhánh vi phạm;

c) Lưu tài liệu gốc các Hiệp định vay phụ, Hợp đồng vay vốn do Ban Định chế tài chính cung cấp;

d) Báo cáo Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc số liệu vay, trả nợ vốn Dự án cho Bộ Tài chính;

đ) Đầu mỗi làm việc với kiểm toán, các đoàn kiểm tra... của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các đơn vị khác về số liệu vay, trả nợ liên quan đến nguồn vốn Dự án.

Điều 18. Trách nhiệm của Chi nhánh

1. Thẩm định, phê duyệt cho vay, quản lý, sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng, đảm bảo hiệu quả theo quy định hiện hành của pháp luật và Agribank về cho vay đối với nguồn vốn Dự án và quy định cho vay chung.

2. Cung cấp đầy đủ, đúng hạn các hồ sơ, tài liệu liên quan đến khoản vay từ nguồn vốn Dự án và các tài liệu khác khi có yêu cầu.

3. Cam kết, kiểm soát và khẳng định tính xác thực, pháp lý và độ chính xác của hồ sơ, tài liệu trình TSC khi đề nghị xin nhận vốn Dự án.

4. Chịu các rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và các rủi ro khác có liên quan.

5. Tuân thủ quy định về chế độ hạch toán kế toán, kiểm tra giám sát, chế độ báo cáo trong Quy định này.

6. Trả nợ (gốc, lãi, phí...) đúng hạn cho TSC và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định chung của Agribank.

7. Phối hợp với Ban Quản lý Dự án tỉnh triển khai thực hiện Dự án.

8. Tổ chức, triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra định kỳ, giám sát việc chấp hành các nội dung Quy định này.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Tổng Giám đốc quyết định. Trường hợp sau khi Quy định này có hiệu lực, các quy định của pháp luật liên quan có thay đổi, mâu thuẫn với nội dung của Quy định này thì Agribank áp dụng theo nội dung các thay đổi đó.


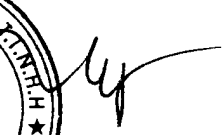
3. Các Ban và đơn vị tương đương tại Trụ sở chính, Chi nhánh có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện, đôn đốc, kiểm tra định kỳ, giám sát việc chấp hành các nội dung có liên quan theo Quy định này và Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị mình.

4. Trưởng Ban Định chế tài chính; Trưởng Ban, Giám đốc các đơn vị tương đương tại Trụ sở chính; Trưởng Văn phòng đại diện; Giám đốc các chi nhánh Agribank tham gia thực hiện Dự án chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. / *HL*

Nơi nhận:

- Như Điều 19, Khoản 4 (để thực hiện);
- HĐQT, Ban TGD;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP, BTK, PC, ĐCTC.

K.T. **TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hải Long

Phụ lục I

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
Chi nhánh:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../

Ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

Về nhận vốn Dự án Hỗ trợ nông nghiệp cacbon thấp (LCASP)

Kính trình: Tổng Giám đốc

.....Nội dung trình
...../.

Trong nội dung phải nêu được một số thông tin cơ bản sau:

- Nguồn vốn Dự án Chi nhánh đề nghị (LCASP – ADB 2968);
- Hình thức nhận vốn (bồi hoàn/ứng trước);
- Số tiền đề nghị;
- Mục đích nhận vốn: để cho vay các tiêu dự án hợp lệ theo quy định của Dự án;
- Cam kết thời hạn giải ngân;
- Các tài liệu gửi kèm (sao kê chi tiêu chi tiết, danh sách khách hàng vay vốn...);

Chi nhánh khẳng định các tài liệu, hồ sơ và các số liệu liên quan gửi kèm theo đây là chính xác, hợp lệ và đảm bảo tính pháp lý. Chi nhánh cam kết và chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát việc sử dụng vốn của khách hàng để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Dự án, các quy định khác về cho vay của Agribank, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi và các khoản phí khác (nếu có) theo yêu cầu của Tổng Giám đốc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phụ lục II

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Chi nhánh.....

SAO KÊ CHI TIÊU CÁC KHOẢN CHO VAY LẠI DỰ ÁN LCASP - KHOẢN VAY ADB 2968

(Từ ngàyđến ngày)

Đơn vị: VNĐ

STT	Họ tên người vay	Địa bàn thực hiện Dự án	Số hợp đồng tín dụng	Ngày vay	Hạn trả	Dung tích công trình Biogas (m3)	Tổng chi phí tiêu dự án	Vốn tự có của người vay	Số tiền giải ngân	Vốn Agribank tham gia (tối thiểu 15% số tiền giải ngân)		Vốn ADB tài trợ (tối đa 85% số tiền giải ngân)		Hộ được hỗ trợ tài chính	Chủ hộ vay là nữ
										Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %		
I	Công trình quy mô nhỏ (<= 50 m3)														
	Khách hàng A Khách hàng B														
II	Công trình quy mô vừa (500 m3 - 1000 m3)														
	Khách hàng C Khách hàng D														
III	Công trình quy mô lớn (>2000 m3)														
	Khách hàng E Khách hàng F														
	Tổng cộng														

Lập biểu

Trưởng phòng

.....Ngày.... tháng.....năm.....

Giám đốc

Phụ lục III

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Chi nhánh.....

**BIỂU TỔNG HỢP
SAO KÊ CHI TIÊU DỰ ÁN LCASP - KHOẢN VAY ADB 2968**
(Từ ngày.....đến ngày.....)

Đơn vị: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Số món vay	Tổng chi phí tiêu dự án	Vốn tự có của người vay	Số tiền giải ngân		
					Tổng số	Vốn Agribank tham gia	Vốn Dự án tài trợ
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8
I	Công trình quy mô nhỏ						
II	Công trình quy mô vừa						
III	Công trình quy mô lớn						
	Tổng cộng						

Lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên, số dt liên hệ)

Trưởng phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Chi nhánh.....

KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN
DỰ ÁN LCASP - KHOẢN VAY ADB 2968
(Từ ngày.....đến ngày.....)

Đơn vị: VNĐ

STT	Hạng mục công trình	Số công trình	Tổng chi phí tiêu dự án	Vốn tự có của người vay	Số tiền giải ngân		
					Tổng số	Vốn Agribank tham gia	Vốn Dự án tài trợ
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8
I	Công trình quy mô nhỏ						
II	Công trình quy mô vừa						
III	Công trình quy mô lớn						
	Tổng cộng						

....., Ngày.....tháng.....năm.....

Lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên, số dt liên hệ)

Trưởng phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chi nhánh:

Số:...../

Ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp carbon thấp (LCASP)
(Quý...năm...)

**Kính gửi: - Tổng Giám đốc;
- Ban Định chế Tài chính**

.....Nội dung báo cáo.....
...../.

Trong báo cáo phải phản ánh được các nội dung cơ bản sau:

1. Kết quả triển khai Dự án
 - Doanh số cho vay, thu nợ
 - Dư nợ

.....
Đính kèm biểu số liệu (mẫu **Phụ lục 06**)

2. Khó khăn, vướng mắc
3. Kiến nghị
4. Kế hoạch triển khai Dự án quý tiếp theo

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



Handwritten signature or mark at the bottom right corner.

Phụ lục VI

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Chi nhánh:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN LCASP - KHOẢN VAY ADB 2968
Quý.....năm.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Doanh số cho vay phát sinh trong Quý			Doanh số thu nợ	Dư nợ				Cho vay lũy kế từ đầu năm			Cho vay lũy kế từ đầu Dự án			Số hộ được hỗ trợ tài chính	Số lượng hộ vay là nữ
		Số công trình	Số tiền	Trong đó Vốn ADB		Số hộ	Số tiền	Nợ xấu		Số công trình	Số tiền	Trong đó Vốn ADB	Số công trình	Số tiền	Trong đó Vốn ADB		
								Số tiền	Tỷ lệ (%)								
I	Công trình quy mô nhỏ																
II	Công trình quy mô vừa																
III	Công trình quy mô lớn																
	Tổng cộng																

.....Ngày.....tháng.....năm.....

Lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên, số dt liên hệ)

Trưởng phòng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)